

Bản án số: 03/2020/HS-ST  
Ngày 10-01-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hòa

*Thẩm phán:* Ông Bùi Ngọc Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mùa A Trừ

Ông Lò Việt Tuyền

Bà Giàng Thị Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký TAND tỉnh

***- Đại diện VKS tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Xuân Trường - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo:

NGUYỄN NGỌC T, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1981 tại huyện T, tỉnh H;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: tổ 3, phường Q, thành phố L, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1959 và con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959; có vợ là: Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa cho bị cáo:***

Ông Dương Văn Vũ – Luật sư, Văn phòng Luật sư Trí Nhân thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 48 – hẻm 5/6/31 – ngõ 6 phố Đặng Văn Ngữ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (có mặt)

***- Bị hại:***

Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 8, phường Q, thành phố L, tỉnh L;  
(vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 3, phường Q, thành phố L, tỉnh L;  
(có mặt)

- *Người làm chứng:*

Ông Bùi Văn M, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ 8, phường Q, thành phố L, tỉnh L;  
(vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

### *Về hành vi phạm tội của bị cáo*

Khoảng ngày 22 – 23/11/2018, Nguyễn Ngọc T truy cập mạng Internet thuê một người không rõ nhân thân, lai lịch làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Ngọc T với giá 3.000.000 đồng. Các thông tin trên giấy chứng nhận giả do T lấy từ giấy chứng nhận thật số CM 642578 tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 51 địa chỉ phường Q, thành phố L, tỉnh L, diện tích 264,3 m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 16/11/2018 cho Nguyễn Thị L (Giấy chứng nhận này vợ chồng T đang thế chấp ngân hàng), với mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 25/11/2018, T cầm giấy chứng nhận giả trên đến nhà chị Phạm Thị Th ở tổ 8, phường Q, thành phố L để lừa bán nhà, đất cho chị Th với giá 500.000.000 đồng, chị Th đưa cho T 400.000.000 đồng, tiếp đến ngày 02/02/2019 T đến nhà chị Th lấy thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng T đã lấy của chị Th 450.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra, cụ thể như sau: với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, T đã truy cập mạng Internet thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của bị cáo. Sau đó, bị cáo đã dùng giấy chứng nhận giả chứa đựng thông tin về thửa đất số 121, tờ bản đồ số 51 địa chỉ phường Q, thành phố L, tỉnh L, diện tích 264,3 m<sup>2</sup> để bán cho chị Phạm Thị Th với giá 500.000.000 đồng, chị Th đã đưa cho T 450.000.000 đồng, sau đó hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện và xử lý.

### *Về các vấn đề khác của vụ án*

Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử, bị hại (Th) đề nghị Tòa buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã bị bị cáo chiếm đoạt là 450.000.000

đồng, bị cáo đã thông qua gia đình khắc phục được 120.000.000 đồng, còn phải tiếp tục hoàn trả là 330.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSLC-P2 ngày 30/11/2019 của VKSND tỉnh Lai Châu truy tố Nguyễn Ngọc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 07 - 08 năm tù; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 - 04 năm tù; áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, hình phạt chung đối với cả hai tội là từ 10 - 12 năm tù. Buộc bị cáo phải trả lại tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử lưu ý đến điều kiện, hoàn cảnh phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cụ thể: do bị ăn làm ăn khó khăn và thiếu vốn nên nảy sinh ý định phạm tội với suy nghĩ đơn giản là có tiền đầu tư kinh doanh trước mắt mà không nghĩ hậu quả xảy ra; bị cáo đã thông qua gia đình khắc phục 120.000.000 đồng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 để quyết định hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Sau khi thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Ngọc T với thông tin trên giấy là: số CM 642578 tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 51 địa chỉ phường Q, thành phố L, tỉnh L, diện tích 264,3 m2 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 16/11/2018 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 25/11/2018, T cầm giấy chứng nhận giả trên đến nhà chị Phạm Thị Th ở tổ 8, phường Q, thành phố L để lừa bán nhà, đất cho chị Th với giá 500.000.000 đồng, chị Th đưa cho T 400.000.000 đồng, tiếp đến ngày 02/02/2019 T đến nhà chị Th lấy thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng T đã lấy của chị Th 450.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Ngọc T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Th nhằm chiếm đoạt 500.000.000 đồng và trên thực tế bị cáo đã chiếm đoạt được 450.000.000 đồng. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của nhà nước. Hành vi đó của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội phạm và đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” - tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Do đó, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là áp dụng Điều 15, Điều 57 của Bộ luật hình sự cho bị cáo do bị cáo phạm tội chưa đạt ở tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án thấy rằng chưa phù hợp, bởi lẽ bị cáo đã thực hiện đầy đủ hành vi khách quan của tội phạm và đã chiếm đoạt được 450.000.000 đồng. Do đó, ý kiến này Tòa án không chấp nhận.

Về ý kiến của người bào chữa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Tòa án cần chấp nhận một phần ý kiến này. Tuy nhiên, đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không phù hợp. Bởi lẽ, đối với hành vi phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của bị cáo là nghiêm trọng nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đối với tội phạm này.

[3] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T từ nhỏ được gia đình nuôi dưỡng và được học hành, bản thân chưa có tiền án tiền sự. Tại phiên tòa, bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; trước đó, bị cáo thông qua gia đình tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại xảy ra; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo - theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở các quy định của Bộ luật hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy, cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tòa cần buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại Phạm Thị Th số tiền đã chiếm đoạt 450.000.000 đồng, được khấu trừ đi 120.000.000 đồng đã hoàn trả, trong đó đã nộp 100.000.000 đồng cho cơ quan điều tra và bị hại nhận trực tiếp 20.000.000 đồng, bị cáo còn phải hoàn trả tiếp là 330.000.000 đồng.

[5] Về án phí hình sự: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử cần quyết định bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 16.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Đối với người liên quan Nguyễn Thị L (vợ bị cáo) là người viết giấy mua bán nhà cho bị hại, tuy nhiên chị L không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do T đưa cho là giả nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/-** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, hình phạt chung đối với cả hai tội là 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 08/08/2019.

**2/-** Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của bị hại Phạm Thị Th 450.000.000 đồng nhưng được khấu trừ đi 100.000.000 đồng đã nộp (hiện số tiền này đang do KBNN Lai Châu quản lý - theo Giấy nộp tiền số CT 0001909 ngày 23/8/2019 của Kho bạc nhà nước Lai

Châu – các BL 177 và 93) và 20.000.000 đồng bị hại nhận trực tiếp, bị cáo còn phải trả tiếp là 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn*).

Áp dụng các Điều 274, 275, 357, 468 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Áp dụng Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự: Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Người có nghĩa vụ thi hành án phải chấp hành việc thi hành án.

### **3/- Án phí:**

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội: bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST và 16.500.000 đồng án phí DSST có giá ngạch.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt (bị hại) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao;
- VKS, CA, Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp Lai Châu (P.Lý lịch tư pháp);
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Bị cáo, NBC, BH (VM);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Hoà**